

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HS-ST
Ngày: 15-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

<i>Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:</i>	Bà Đỗ Hải Hà
<i>Các Hội thẩm nhân dân:</i>	Bà Hoàng Thị Huyền
	Bà Nguyễn Thị Oanh

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Dạ Lan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện B Quang, tỉnh Hà Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện B Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Vi Lương Quỳnh, Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 28/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Bàn Văn L, sinh năm 2001 tại huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn Th, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ H vấn: không; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bàn Văn V, sinh năm 1977 và bà Trương Thị X, sinh năm 1978; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân. Không. Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại thôn Th, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang. (Có mặt).

2. Triệu Văn B, sinh ngày 20 tháng 11 năm 2003 tại huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn Th, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; **nghề nghiệp: Lao động tự do**; trình độ H vấn: Lớp 09/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn N, sinh năm 1980 và bà Trương Thị L, sinh năm 1985; vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Không. Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại thôn Th, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang. (Có mặt)

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Triệu Văn B: ông Triệu Văn N, sinh năm 1980, nơi cư trú: Thôn Th, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang, là bố đẻ của bị

cáo B. (Có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo:

- Ông Nguyễn Xuân G, sinh năm 1981, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hà Giang bào chữa cho bị cáo Triệu Văn B. (Có mặt)

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1985, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hà Giang bào chữa cho bị cáo Bàn Văn L. (Có mặt)

Bị hại: Anh Đặng Văn T, sinh năm: 1992; nơi cư trú: Thôn C, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. (Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Trương Văn H, sinh năm 1990, nơi cư trú: Thôn L, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. (Vắng mặt)

- Ông Triệu Văn N, sinh năm 1980, nơi cư trú: Thôn Th, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang. (Có mặt)

Người làm chứng:

- Anh Trương Văn Th, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn L, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. (Vắng mặt)

- Ông Trương Văn Q, sinh năm 1965; nơi cư trú: Thôn Th, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang. (Vắng mặt)

- Ông Bàn Văn V, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn Th, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang. (Vắng mặt)

- Bà Lương Thị Ph, sinh năm 1968, nơi cư trú: Thôn C, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. (Vắng mặt)

- Ông Đặng Văn H, sinh năm 1967; nơi cư trú: Thôn C, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 02/02/2020 Bàn Văn L, rú Bàn Văn L1, sinh ngày 26/5/2003 cùng trú tại thôn Thíp, xã Vô Điểm, huyện B Quang và Triệu Văn B đi bộ lên đồi để bẫy gà rừng, L1, B đồng ý. Khi đến đồi cây thuộc địa phận thôn Th, xã V, huyện B, L1 quan sát thấy 01 đàn dê của anh Đặng Văn T đang chăn thả ở đó không có người trông coi, nên L1 bảo với L và B “Dê nhiều quá mình lấy trộm 01 con đem đi bán đi”, L và B đồng ý. Ba người thống nhất đi về lán của ông Trương Văn Q lấy muối để nhử dê về ăn rồi bắt. Ba người cùng nhau đến lán của ông Q lấy muối rồi quay lại vị trí phát

hiện đàn dê, B đổ muối vào tay rồi gọi dê về ăn nhưng không có con dê nào đến ăn nên L1, L, B cùng nhau đuổi và bắt được 01 con dê cái, lông màu nâu - đen. Sau khi bắt được dê, L bảo B lấy 01 sợi dây ở trong rừng đưa cho L buộc vào cổ dê, sau đó L dắt dê đi trước B và L1 đi sau đuổi dê, ba người dắt dê đi giấu cách vị trí trộm cắp khoảng 01 Km. Sau khi giấu dê, L bảo với L1 chờ ở lán nhà ông Q, còn L và B đi tìm người mua dê, lúc đó L1 có bảo L và B đến Lục Sơn, xã Yên Thuận, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tìm anh H để bán dê, sau đó B đi lấy xe mô tô BKS 23D1 – 325.05 (xe mô tô của anh Triệu Văn N, bố của B, khi B lấy xe đi không nói cho anh N biết đi đâu, làm gì) chở L phía sau đi sang xã Yên Thuận, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tìm anh H nhưng anh H không có ở nhà, L có xin số điện thoại anh H của một người phụ nữ qua đường, sau đó L dùng điện thoại di động của L gọi cho anh H trao đổi mua bán dê, anh H hẹn L đến tối đem dê xuống nhà H. Khoảng 18 giờ cùng ngày L1, L và B đi xe mô tô BKS 23D1 – 325.05 ra vị trí giấu dê dắt dê xuống đường, khi dắt dê được khoảng 500 mét thì ba người cùng nhau cho dê vào 01 bao tải dứa màu vàng mà B chuẩn bị từ trước. B điều khiển xe mô tô BKS 23D1 – 325.05 chở L và 01 con dê trộm cắp được đi bán còn L1 đi bộ đến lán của ông Trương Văn Q chờ. B và L mang dê bán cho anh Trương Văn H với giá 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng), khi bán B không bảo cho H biết dê do trộm cắp mà có, B bảo là dê của bố mẹ cho B bán lấy tiền chuộc xe, nên H đồng ý mua (khi mua bán có anh Trương Văn Th là anh trai của H có dùng điện thoại di động chụp ảnh và quay video B và L). Sau khi bán được dê B và L đi đến lán nhà ông Q rồi gọi L1 ra chia tiền, L1, L và B mỗi người được 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng), số tiền trên L1, L, B đem chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 07/02/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B Quang tiến hành cân tịnh xác định trọng lượng 01 con dê cái lông màu nâu - đen mà L1, L, B trộm cắp có trọng lượng 45 Kg. Sau khi cân tịnh Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã tạm giao tài sản cho anh T chăm sóc và quản lý.

Tại biên bản định giá tài sản và bản kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐG ngày 25 tháng 02 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B kết luận: 01 (một) con dê cái, lông màu nâu – đen, có trọng lượng 45 Kg, với giá: 6.000.000đ (sáu triệu đồng).

Quá trình điều tra vụ án, Bàn Văn L1 đã bỏ trốn khỏi địa phương, cơ quan điều tra Công an huyện B đã ra quyết định truy nã đối với Bàn Văn L1, đồng thời ban hành Quyết định tách vụ án hình sự số 01 ngày 28 tháng 7 năm 2020 để xem xét, xử lý hành vi của Bàn Văn L1 sau.

Với hành vi trên, tại Cáo trạng số 32/CT-VKSBQ ngày 14/8/2020 Viện Kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang đã truy tố Bàn Văn L và Triệu Văn B về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Bàn Văn L và Triệu Văn B về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các Điều 17, 36, 50, 58, các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bàn Văn L từ 09 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ; Miễn khấu trừ thu nhập đối với Bàn Văn L.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, các Điều 17, 50, 58, 91, 98, 100, các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Triệu Văn B từ 06 tháng đến 12 tháng Cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập đối với Triệu Văn B.

Giao các bị cáo về chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục.

Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

Về xử lý vật chứng, Viện kiểm sát nhân dân huyện B Quang đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động đã thu giữ của bị cáo Bàn Văn L.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Bàn Văn L tại phiên tòa: nhất trí với tội danh và mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân huyện B Quang đề nghị áp dụng đối với bị cáo Bàn Văn L, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo L. Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Triệu Văn B tại phiên tòa: tội danh và mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân huyện B Quang đề nghị áp dụng đối với bị cáo Triệu Văn B là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo B và cho bị cáo B hưởng mức hình phạt thấp nhất mà Viện kiểm sát đã đề nghị.

Ý kiến của bị hại Đặng Văn T trong giai đoạn điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt: về trách nhiệm hình sự, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; Về trách nhiệm dân sự: các bị cáo đã bồi thường về dân sự cho bị hại, cụ thể bị cáo Bàn Văn L đã bồi thường cho bị hại tổng số tiền là 2.154.000đ (trong đó tiền chuộc dê 1.500.000đ và tiền chi phí, công sức đi tìm dê 654.000đ); bị cáo Triệu Văn B và đại diện hợp pháp của bị cáo B đã bồi thường cho bị hại tổng số tiền 2.153.000đ (trong đó tiền chuộc dê 1.500.000đ và tiền chi phí, công sức đi tìm dê 653.000đ). Do đó bị hại Đặng Văn T không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm về dân sự.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trương Văn H trong giai đoạn điều tra: Khi mua dê của L và B, anh không biết là tài sản do trộm cắp mà có, khi vụ việc bị phát hiện anh Đặng Văn T đã đến gia đình anh chuộc lại dê với số tiền 4.500.000đ mà anh đã mua dê của L và B, vì vậy anh Trương Văn H không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường về dân sự nữa và cũng không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Tại phiên tòa, các bị cáo nhất trí với tội danh và mức hình phạt mà Viện kiểm sát đã đề nghị trong bản luận tội. Các bị cáo lời nói sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để các bị cáo có cơ hội sửa chữa những lỗi lầm trở thành người công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên của huyện B trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa bị hại Đặng Văn T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Văn H vắng mặt. Căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của các bị cáo Bàn Văn L, Triệu Văn B tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, vật chứng của vụ án, biên bản sự việc, biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường và bản ảnh xác định hiện trường; biên bản định giá tài sản và Bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện B ngày 25/02/2020, biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử cùng với 01 USB màu đen, bên trong có 03 (ba) ảnh, đoạn video là hình ảnh của Triệu Văn B và Bàn Văn L đem dê đến bán cho anh Trương Văn H, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Do đó đã có đủ căn cứ để kết luận: Các bị cáo Bàn Văn L, Triệu Văn B phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự, có nội dung quy định như sau:

"Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong

các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

Hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây lo lắng cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản. Trị giá tài sản các bị cáo đã trộm cắp ngày 02/02/2020 của bị hại Đặng Văn T là 6.000.000^d (Sáu triệu đồng). Trong vụ án này, khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản Triệu Văn B mới được 16 năm 02 tháng 13 ngày tuổi là người chưa thành niên nhưng đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 12 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo L và B có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát huyện B Quang, tỉnh Hà Giang đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đối với hành vi trộm cắp tài sản của Bàn Văn L1, sinh ngày 26/5/2003, trú tại thôn Th, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang, quá trình điều tra L1 đã bỏ trốn khỏi địa phương, cơ quan điều tra Công an huyện B đã ra quyết định truy nã và đã ra quyết định tách vụ án hình sự số 01 ngày 28 tháng 7 năm 2020 để xem xét, xử lý hành vi của Bàn Văn L1 sau, nên Hội đồng xét xử không xem xét đến hành vi của Bàn Văn L1 trong vụ án này.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo trong vụ án này cho thấy: Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn, Bàn Văn L1 là người khởi sự, cả ba người Bàn Văn L, Triệu Văn B, Bàn Văn L1 cùng trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Sau khi trộm cắp được tài sản, bị cáo Bàn Văn L và Triệu Văn B là người đi tiêu thụ tài sản trộm cắp, đồng thời khi chia số tiền bán tài sản trộm cắp được, mỗi bị cáo L, B đều nhận số tiền bằng nhau là 1.500.000^d, do đó vai trò của bị cáo L và B trong vụ án này là như nhau.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét khi lượng hình đối với các bị cáo. Về nhân thân, các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Đối với bị cáo Triệu Văn B khi thực hiện hành vi phạm tội mới 16 năm 02 tháng 13 ngày tuổi thuộc trường hợp người chưa thành niên phạm tội nên được áp dụng các quy định của pháp luật

Hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, do đó được hưởng mức hình phạt nhẹ hơn bị cáo Bàn Văn L.

[6] Xét thấy các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, bị cáo B lại là người chưa đủ 18 tuổi, nên không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo, giao về chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục, như vậy cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Do đó mức hình phạt đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện B đề nghị áp dụng đối với mỗi bị cáo trong vụ án là phù hợp. Các bị cáo đều không có thu nhập ổn định, không có điều kiện về tài sản, là dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo B chưa đủ 18 tuổi, nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Bàn Văn L và không khấu trừ thu nhập của bị cáo Triệu Văn B đồng thời không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường xong về dân sự cho bị hại Đặng Văn T. Bị hại Đặng Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Văn H không yêu cầu gì thêm về bồi thường dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với vật chứng gồm 01 (một) con dê cái, lông màu nâu đen, quá trình điều tra Cơ quan Công an huyện B Quang đã ra quyết định xử lý vật chứng và lập biên bản trả lại cho chủ sở hữu là anh Đặng Văn T là đúng quy định của pháp luật. Đối với công cụ, phương tiện mà Bàn Văn L và Triệu Văn B sử dụng để vận chuyển tài sản trộm cắp đi tiêu thụ gồm 01 (một) xe mô tô Biển kiểm soát 23D1-325.05, số máy JA39E0627387, số khung 3903HY652243, màu trắng đen, nhãn hiệu HONDA, số loại Wave, xe cũ đã qua sử dụng, quá trình điều tra Cơ quan điều tra công an huyện B Quang đã xác định xe mô tô là của ông Triệu Văn N (bố đẻ của bị cáo Triệu Văn B), khi B lấy xe máy đi không nói cho ông Nam biết đi đâu, làm gì nên Cơ quan điều tra Công an huyện B Quang đã quyết định xử lý vật chứng và lập biên bản trả lại cho chủ sở hữu là ông Triệu Văn N là đúng quy định của pháp luật. Đối với vật chứng còn lại là 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, vỏ ngoài màu trắng, nhãn hiệu Iphone, không có nút bấm hình tròn ở mặt trước phía dưới màn hình, mặt kính phía trước bị nứt vỡ, máy cũ đã qua sử dụng. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa xác định điện thoại trên là của bị cáo Bàn Văn L và bị cáo đã sử dụng để liên lạc với anh Trương Văn H trao đổi bán tài sản trộm cắp, do đó căn cứ khoản 1 điều 47 của Bộ luật Hình sự, áp dụng khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự xử tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước.

[9] Về án phí: Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các Điều 17, 36, 50, 58; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bàn Văn L.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, các Điều 17, 50, 58, 90, 91, 98, 100; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Triệu Văn B.

Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Bàn Văn L, Triệu Văn B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Bàn Văn L 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Bàn Văn L.

- Xử phạt bị cáo Triệu Văn B 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập của bị cáo Triệu Văn B.

Giao các bị cáo Bàn Văn L, Triệu Văn B cho Ủy ban nhân dân xã Vô Diêm, huyện B Quang, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã Vô Diêm, huyện B Quang nhận được bản sao bản án và Quyết định thi hành án. Các bị cáo Bàn Văn L, Triệu Văn B phải thực hiện những nghĩa vụ theo Điều 99 Luật thi hành án hình sự.

"Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần".

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, vỏ ngoài màu trắng, nhãn hiệu iphonne, không có nút bấm hình tròn ở mặt trước phía dưới màn hình, mặt kính phía trước bị nứt vỡ, mặt sau có ghi số IMEI: 351983066323652, phía trên cạnh camera bị nhiều vết nứt vỡ, máy không có thể sim, tình trạng máy không mở được để kiểm tra bên trong, máy cũ đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Công an huyện B Quang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B Quang ngày 17/8/2020).

4. Về án phí: Các bị cáo Bàn Văn L, Triệu Văn B được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo Triệu Văn B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND tỉnh Hà giang;
- VKSND huyện B Quang;
- Công an huyện B Quang (02 bản);
- Chi cục THADS huyện B Quang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, bộ phận.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Hải Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Hải Hà

